

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/HNGĐ - ST

Ngày 12/3/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con” giữa bà Sa Thị N và ông

Nguyễn Cao C

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Toàn và bà Đỗ Thị Ái Nguyệt.

-Thư ký phiên tòa:Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sa Thị N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Xóm Đồng Cả, xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Cao C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Xuân Quy, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2019, các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì nội dung vụ án như sau: Bà Sa Thị N và ông Nguyễn Cao C yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và cưới nhau có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/12/2007 tại UBND xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng bà N sống cùng với bố mẹ ông C tại thôn Xuân Quy, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu, hai vợ chồng bà Nhung và ông Cường sống hạnh phúc và sinh được hai người con chung. Sau một thời gian chung sống, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường to tiếng, cãi vã lẫn nhau. Tuy vậy, bà N vẫn cố gắng chung sống để mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng nhau chung sống để nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Đến tháng 6/2018 bà N không sống chung với các con và bố mẹ ông C nữa mà bỏ ra ngoài đi làm ăn và sống với bố mẹ đẻ của mình ở tại xóm Đồng Cả, xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ từ đó cho đến nay. Từ khi bà N bỏ nhà đi làm ăn đến nay thì bà N và ông

Cường sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau nữa. Với những lý do đó, bà N thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nên bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Nhung được ly hôn với ông Nguyễn Cao C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà N có 02 con người con chung là các cháu: Nguyễn Anh Q sinh ngày 24/7/2008 và cháu Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 30/01/2011. Hiện tại, hai cháu đang sống với ông Nguyễn Cao C tại nhà bố mẹ ông Cường ở thôn Xuân Quy, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Khi ly hôn bà N đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Q và Q cho ông Nguyễn Cao C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà N sẽ cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cả hai cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Theo đơn trình bày nguyện vọng của các cháu Q và Q đề ngày 03/12/2019 thì cả hai cháu đều muốn ở với bố Nguyễn Cao C và ông bà nội để thuận tiện cho việc sinh hoạt và học tập được tại trường Tiểu học xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Cao C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 99/TB-TLVA, ngày 5/12/2019 cho ông C nhưng ông C thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án cho ông C có xác nhận của Công an xã Triệu Độ và tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 30/01/2020, Tòa án đã phối hợp với Công an xã Triệu Độ tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải của Tòa án cho ông C. Ông C đã ký nhận văn bản tổng đạt này nhưng không có ý kiến gửi cho Tòa án và không tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn thì từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phần nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà Sa Thị Nhung và áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà N được ly hôn với ông Cường; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Anh Q, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 30/01/2011, hiện nay cả hai cháu đang sống với anh Nguyễn Cao C tại Thôn Xuân Quy, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nên đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Q và Q cho ông Nguyễn Cao C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; Bà N cấp dưỡng nuôi hai cháu Q và Q mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cả hai cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Nhung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong tiến hành tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Cao C, nhưng ông C thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện tổng đạt trực tiếp cho ông C được có xác nhận của Công an xã Triệu Độ và tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Sau khi hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết mà ông C vẫn không có ý kiến trình bày của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Ngày 25/12/2019, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong ra thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 10/01/2020. Do không tổng đạt trực tiếp được cho ông C nên ngày 10/01/2020, Tòa án lập biên bản niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Triệu Độ và tại nhà ông C theo đúng quy định của pháp luật về thủ tục niêm yết. Ngày 13/01/2020, Tòa án tiếp tục ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ lần thứ hai vào ngày 31/01/2020 nhưng ông C vẫn không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Ngày 30/1/2020, ông C có mặt tại nhà nên Tòa án kết hợp với Công an xã Triệu Độ tổng đạt trực tiếp các giấy tờ tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án, sau khi nhận các loại giấy tờ này ông C vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà N. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp chứng cứ với sự có mặt của bà N. Sau khi kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 100/TB-TA ngày 31/01/2020 và làm thủ tục niêm yết văn bản này vào ngày 03/02/2020 theo đúng quy định. Ngày 07/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 25/2/2020 và tiến hành niêm yết công khai cho bị đơn ông Nguyễn Cao C theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 25/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng ông C vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định đến ngày 12/3/2020 xét xử lại vụ án và niêm yết quyết định hoãn phiên tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã và nơi ở của ông Cường theo đúng quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Cao C vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Sa Thị N và ông Nguyễn Cao C là hôn nhân hợp pháp, cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị vào ngày 28/12/2007 theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N sống chung với nhau tại

nhà bố mẹ ông C ở thôn Xuân Quy, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống với nhau giữa bà Nhung và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường to tiếng, cãi vả lẫn nhau. Mặc dù bà N đã cố gắng chịu đựng và tìm cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến tháng 6 năm 2018, bà N có xin bố mẹ ông C đi ra ngoài làm ăn và sau đó bà N đã bỏ về ở cùng bố mẹ mình ở xóm Đồng Cả, xã Xuân Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ từ đó cho đến nay. Tại các biên bản xác minh ngày 02/01/2020 và ngày 06/01/2020, ông Nguyễn Xuân D (bố của ông C) và Hội liên hiệp phụ nữ xã Triệu Độ cũng thể hiện sau khi kết hôn bà N và ông C sống chung với nhau tại nhà bố mẹ ông C ở thôn Xuân Quy, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Đến tháng 8 năm 2019, bà N có xin bố mẹ ông C đi làm ăn và sau đó bà N không quay về. Trước tết nguyên đán, ông C có về nhà và có ký nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đối với việc bà N làm đơn xin ly hôn ông C nhưng ông C cũng không có ý kiến nộp cho Tòa án về việc bà N làm đơn ly hôn mình, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng nên ông Cường cũng không tha thiết đề nghị Tòa án hoà giải đoàn tụ vợ chồng. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Mặt khác bà N và ông C đã ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2018 nên cần chấp nhận đơn ly hôn của bà N, xử cho bà N được ly hôn với ông C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Sa Thị N và ông Nguyễn Cao C có 02 người con chung là cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 30/01/2011. Khi ly hôn bà N đề nghị giao cả hai cháu Q và Q cho ông Nguyễn Cao C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cả hai cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cả hai cháu Q và Q đang do ông C và bố mẹ ông C trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển tốt, hiện nay cả hai cháu đều đang đi học tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Triệu Độ. Trong đơn trình bày của cháu Q và cháu Q thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với bố là ông Nguyễn Cao C. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và phù hợp với nguyện vọng của các cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Q và Q cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Bà N không trực tiếp nuôi con nên phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Sa Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà N không trực tiếp chăm sóc nuôi con nhưng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Về tình cảm: Xử cho bà Sa Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Cao C.

2. Về con chung: Xử giao cả hai cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 24/7/2008 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 30/01/2011 cho ông Nguyễn Cao C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Sa Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai cháu Nguyễn Anh Q và Nguyễn Ngọc Như Q mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cả hai cháu Q và Q đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bà Sa Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004515 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, bà Sa Thị N còn phải nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND h. Triệu Phong;
- Chi cục THADS h. Triệu Phong;
- Các đương sự;
- UBND xã Triệu Độ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Xuân Hải